

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
KHOA VĂN HÓA- THÔNG TIN

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Loại hình đào tạo: Chính quy
Mã ngành : 8319042

Thanh Hóa, năm 2020

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 9 năm 2020

Số: 894b/QĐ-ĐVTDĐT

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bản mô tả Chương trình dạy học
chuyên ngành Quản lý Văn hóa trình độ Thạc sĩ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 1221/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-ĐVTDĐT ngày 19/2/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc “Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ” ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Bản mô tả Chương trình dạy học chuyên ngành Quản lý Văn hóa trình độ Thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Điều 2: Ban hành Bản mô tả Chương trình dạy học chuyên ngành Quản lý Văn hóa trình độ Thạc sĩ được áp dụng cho các khóa tuyển sinh, bắt đầu từ khóa tuyển sinh năm 2021.

Điều 3: Các đơn vị phòng Đào tạo Sau đại học, phòng Thanh tra, phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục, Khoa Văn hóa thông tin, giảng viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP, ĐTSĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**


TS. Lê Thanh Hà

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 9 năm 2020

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Kèm theo Quyết định số 894b/QĐ-ĐVTDL ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

- Tên chương trình: **Quản lý Văn hóa**
- Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**
- Ngành đào tạo: **Quản lý Văn hóa**
- Mã ngành: **8319042**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Thời gian đào tạo: **2 năm**

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

CTĐT ngành Quản lý Văn hóa trình độ Thạc sĩ nhằm mục tiêu giúp người học nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về văn hóa-nghệ thuật; Có tư duy khoa học và năng lực hoạt động của một nhà quản lý, xây dựng đề án chiến lược về văn hóa trong xu thế giao lưu và hội nhập quốc tế; Có năng lực nghiên cứu, tổ chức, quản lý và khả năng làm việc độc lập sáng tạo; Nắm vững các lý thuyết về văn hóa-nghệ thuật; phương pháp nghiên cứu và ứng dụng vào công tác quản lý chuyên ngành; Nắm vững các vấn đề quản lý các thiết chế văn hóa, quản lý di sản văn hóa, quản lý các tổ chức văn hóa-nghệ thuật trên những điều kiện thực tế.

1. 2. Mục tiêu cụ thể

2.1.1. Về kiến thức

M1. Quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hóa Việt Nam;

M2. Những kiến thức lý luận chuyên sâu về Quản lý Nhà nước về văn hóa; về tổ chức bộ máy và quản lý văn hóa bằng pháp luật trong điều kiện hội nhập thế giới sâu rộng hiện nay.

2.1.2. Về kỹ năng

M3. Trang bị, bổ sung cho học viên kỹ năng quản lý và tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật;

M4. Có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề về văn hóa, nghệ thuật;

M5. Có khả năng tư vấn về tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa-nghệ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

M6. Tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học, các dự án nghiên cứu về quản lý của địa phương, đơn vị công tác;

M7. Sau khi tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của học viên đạt trình độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

2.1.3. Về thái độ

M8: Có lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh.

M9: Biết trân trọng giá trị văn hóa dân tộc, trân trọng giá trị của các sản phẩm và dịch vụ văn hóa nghệ thuật, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

M10: Yêu nghề, say mê với các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, có tinh thần trách nhiệm và đảm bảo đạo đức nghề nghiệp

M11: Tác phong công nghiệp hóa: khẩn trương, tích cực, năng động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Chuẩn đầu ra đối với chương trình đào tạo và mỗi học phần

2.1. Chuẩn đầu ra đối với chương trình đào tạo

TT	Mã CDR	Chuẩn đầu ra	Mức độ
I	Kiến thức		
1.	C1	Người học có hiểu sâu sắc các kiến thức về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng của triết học, những nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng; biết vận dụng kiến thức triết học để phục vụ cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội - nhân văn; hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.	I
2.	C2	Biết, hiểu, phân tích được những kiến thức cơ bản của các khoa học thuộc lĩnh vực xã hội & nhân văn vận dụng trong quản lý văn hóa.	I
3.	C3	Vận dụng được những kiến thức liên ngành về xã hội, văn hóa, khoa học, luật pháp... trong quản lý văn hóa	I,T
4.	C4	Biết, hiểu, phân tích được những kiến thức lý luận chuyên sâu về Quản lý Nhà nước về văn hóa; về tổ chức bộ máy và quản lý văn hóa bằng pháp luật trong điều kiện hội nhập thế giới sâu rộng hiện nay	I, T
5.	C5	Hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau của Việt Nam và thế giới và vận dụng linh hoạt trong thực tiễn quản lý văn hóa.	I, T
II	Kỹ năng		
6.	C6	Trang bị, bổ sung cho học viên kỹ năng quản lý và tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật;	T, U
7.	C7	Có khả năng tư vấn về tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa-nghệ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;	T, U
8.	C8	Tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học, các dự án nghiên cứu về quản lý của địa phương, đơn vị công tác;	T, U
9.	C9	Sau khi tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của học viên đạt trình độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung năng	T, U

		lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.	
III	Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học		
10.	C10	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;	U
11.	C11	Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.	U

2.2. Chuẩn đầu ra đối với mỗi học phần

- Tất cả các học phần có trong CTĐT đều có đề cương chi tiết đầy đủ, được trình bày theo mẫu quy định và thể hiện rõ được sự đóng góp cụ thể với CĐR của CTĐT ngành Quản lý Văn hóa trình độ Thạc sĩ.

- Các học phần được thiết kế trong CTDH có CĐR cụ thể. CĐR của mỗi học phần là những mục tiêu cụ thể của học phần, là kết quả của học phần mà người học có thể đạt được sau khi kết thúc học phần.

- Nội dung đề cương chi tiết học phần đều thể hiện mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy, hoạt động dạy và học, kiểm tra, đánh giá để đạt được CĐR học phần. Mỗi mục trong nội dung học phần đều đạt được ít nhất một trong những CĐR cụ thể của học phần, qua đó thể hiện được sự gắn kết giữa các nội dung giảng dạy và đóng góp của từng chương mục nhằm đạt được CĐR chung của CTĐT.

TT	Tên học phần	Mô tả CĐR của môn học/học phần	CĐR (ghi rõ thuộc CĐR kiến thức/kỹ năng/hay mức độ tự chủ và trách nhiệm)	Trình độ năng lực
I	Kiến thức chung			
1.	Triết học	Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ cao học không chuyên Triết theo quy định chung của Bộ Giáo dục đào tạo. Cung cấp cho học viên những nội dung cơ bản về lịch sử Triết học, về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lênin đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên và liên tục nhằm làm sáng tỏ	Kiến thức	2.0

		những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp học viên có được định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay.		
2.	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Học phần Ngoại ngữ (Tiếng Anh) là học phần trong chương trình đào tạo Thạc sĩ của tất cả các chuyên ngành, được bố trí giảng dạy trong học kỳ đầu của khóa đào tạo. Cung cấp cho học viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp cho học viên phương pháp học tiếng Anh có hiệu quả. Cụ thể là, sau khi kết thúc học phần, người học phải đạt được năng lực giao tiếp ở trình độ trung cấp bậc 3 (theo khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam) hoặc trình độ B1 (theo khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR), bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức hiểu biết về văn hóa các nước nói tiếng Anh và kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), trong đó, kỹ năng đọc, hiểu, dịch phải ở mức thành thạo.	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	2.0
II Kiến thức cơ sở ngành				
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa	Môn học cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng căn bản trong NCKH chuyên ngành văn hóa. Thực nghiệm phương pháp và quy trình áp dụng vào đối tượng Văn hóa phi vật thể và văn hóa vật thể; Thực nghiệm một số phương pháp căn bản vào đối tượng văn hóa cụ thể. Thực hành bài nghiên cứu về văn hóa theo đối tượng học viên tự chọn để đánh giá kết quả cuối môn học.	Kiến thức	2.0
4.	Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam	Học phần được thiết kế gồm 5 chuyên đề nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về điều kiện hình thành văn hóa Việt Nam, giới thiệu các lần giao lưu tiếp biến giữa văn hóa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới đã diễn ra trong lịch sử: (1) Giao lưu, tiếp biến, quy luật vận động và phát triển của văn hóa; (2) Giao lưu, tiếp biến văn hóa người Việt với văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ (3) Giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt Nam với văn hóa Phương Tây; (5) Giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt Nam với các nước trong giai đoạn hiện nay.	Kiến thức	2.0

5.	Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội	Học phần Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội cung cấp một hệ thống kiến thức cơ sở về điều kiện tự nhiên, dân cư, lịch sử của sự ra đời các nền văn minh trong lịch sử: Văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Lưỡng Hà cổ đại, văn minh Arập cổ đại, văn minh Ấn Độ cổ trung đại, văn minh Trung Hoa cổ trung đại, văn minh Đông Nam Á cổ trung đại, văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh cận đại, văn minh nhân loại thời hiện đại. Trên nền tảng đó loài người đã đạt được những thành tựu rực rỡ về toán học, vật lý, thiên văn, hoá học, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc. Nhưng cũng chính con người đã gây ra hai cuộc chiến tranh thế giới làm tàn phá nền văn minh nhân loại. Để rồi sau sự đổ nát đó con người lại tiếp tục vươn lên và đạt được những thành tựu kỳ diệu, đưa loài người bước sang một nền văn minh mới, đó là văn minh trí tuệ hay văn minh hậu công nghiệp.	Kiến thức	2.0
6.	Tâm lý học quản lý	Học phần Tâm lý học quản lý cung cấp cho học viên những kiến thức về đặc điểm tâm lý của người quản lý như những phẩm chất, năng lực cần có của người cán bộ quản lý, nghiên cứu về vấn đề quyền lực trong quản lý, uy tín của người quản lý. Đồng thời học phần cũng nghiên cứu đặc điểm tâm lý của người lao động như: nhu cầu, động cơ lao động, hứng thú, tính cách của người lao động... Từ đó giúp nhà quản lý có thể hiểu được đặc điểm tâm lý của đối tượng mà mình quản lý. Giúp cho người quản lý tuyển dụng và sử dụng lao động đạt hiệu quả cao nhất.	Kiến thức	2.0
7.	Văn hóa và du lịch	Học phần được thiết kế gồm 3 chuyên đề, cung cấp cho người học những kiến thức về văn hóa và du lịch, mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch, vấn đề khai thác và quản lý văn hóa trong hoạt động du lịch, những thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của văn hóa du lịch. Ngoài ra còn góp phần phân tích thảo một mô hình về văn hóa du lịch để ứng dụng vào phát triển du lịch ở nước ta. Đồng thời giúp người học nhìn nhận được vai trò, tầm quan trọng của văn hóa Việt Nam trong sự phát triển của ngành du lịch nước nhà.	Kiến thức	2.0
8.	Nông thôn và đô thị trong văn	Học phần Nông thôn và đô thị trong Văn hóa Việt Nam là học phần bắt buộc trong chương	Kiến thức	2.0

	hóa Việt Nam	trình đào tạo cao học ngành Quản lý văn hóa, gồm 3 chuyên đề, cung cấp cho học viên những vấn đề khái quát về văn hóa nông thôn và đô thị; những kiến thức chuyên sâu về văn hóa nông thôn, cơ sở hình thành và tồn tại của văn hóa nông thôn, các thành tố của văn hóa nông thôn; những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành đô thị nói chung; quá trình hình thành đô thị ở Việt Nam nói riêng; đặc điểm của các đô thị theo vùng lãnh thổ ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.		
9.	Văn hóa tôn giáo Việt Nam	Học phần Văn hóa Tôn giáo nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức nâng cao về các tôn giáo ở Việt Nam và ảnh hưởng của nó đối với văn hóa truyền thống dân tộc. Giúp học viên có cái nhìn đúng đắn, khách quan, toàn diện về đạo các tôn giáo ở Việt Nam; những thành tựu và kết quả nổi bật trong quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam với các tôn giáo du nhập.	Kiến thức	2.0
10.	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á	Học phần được thiết kế gồm 2 chuyên đề: (1) Tổng quan về khu vực Đông Nam Á với những vấn đề nổi bật như: Điều kiện tự nhiên; Quá trình hình thành và phát triển các quốc gia Đông Nam Á đến cơ tầng văn hóa Đông Nam Á. (2) Nghiên cứu cơ bản về văn hóa Việt Nam trong mối liên hệ với khu vực Đông Nam Á trên các phương diện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội... theo đồng đại và lịch đại.	Kiến thức	2.0
11.	Quản lý sự kiện văn hóa	Học phần Quản lý sự kiện văn hóa bao gồm 03 chuyên đề, cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về khái niệm, phân loại sự kiện, quy trình tổ chức sự kiện nói chung và sự kiện văn hóa nói riêng; quản lý các sự kiện văn hóa. Trên cơ sở lý thuyết, học viên thực hành tổ chức các sự kiện văn hóa, quản lý các sự kiện văn hóa.	Kiến thức	4.0
III Kiến thức chuyên ngành				
12.	Quản lý truyền thông	Học phần được thiết kế gồm 4 chuyên đề, cung cấp cho người học các kiến thức nâng cao về truyền thông đại chúng, vai trò và mối quan hệ của truyền thông đại chúng với xã hội; quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông đại chúng	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	2.0
13.	Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao	04NQ/HNTW ban hành ngày 14-1-1993, Nghị quyết đã định hướng cụ thể cho một số nhiệm vụ Văn hóa Văn nghệ trong giai đoạn	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	4.0

		mới, trong đó có công tác tổ chức các hoạt động văn hóa và quản lý các thiết chế văn hóa. Nội dung trong định hướng chính trị của Đảng đối với văn hóa qua các kỳ đại hội nói trên đều nhằm mục đích căn bản là xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc Học phần thiết kế 4 chuyên đề, cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về, tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa và công tác quản lý, cũng như định hướng phát triển. Do vậy, học phần được thiết kế nội dung chương trình theo trục dọc về mặt tổ chức, quản lý của các thiết chế và trục ngang theo hoạt động của các thiết chế văn hóa.		
14.	Quản lý thị trường văn hóa	Học phần được thiết kế gồm 3 chuyên đề, cung cấp cho học viên các kiến thức nâng cao về thị trường văn hóa, quản lý thị trường văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Phân tích rõ mối quan hệ tác động giữa văn hóa và kinh tế trong phát triển để thấy vai trò của thị trường văn hóa trong việc điều chỉnh các quan hệ kinh tế.	Kiến thức	4.0
15.	Phát triển chính sách văn hóa	Học phần được thiết kế gồm 3 chuyên đề cung cấp cho học viên kiến thức tổng quan về nghiên cứu xây dựng chính sách văn hóa; Kinh nghiệm xây dựng chính sách văn hóa của một số quốc gia trên thế giới và vấn đề phát triển, hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay.	Kỹ năng	4.0
16.	Quản lý và phát triển nguồn lực văn hóa nghệ thuật	Học phần được thiết kế gồm 2 chuyên đề, cung cấp cho học viên những kiến thức: - Khái quát về nguồn lực gồm có khái niệm, đặc điểm, vai trò và nhận diện các nguồn lực văn hóa để từ đó có phương pháp trong việc sử dụng nguồn lực cho các hoạt động cụ thể. - Có khả năng quản lý và phát triển các nguồn lực văn hóa nghệ thuật trong thời kỳ hội nhập hiện nay, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước nói chung và phát triển văn hóa nói riêng.	Kiến thức	2.0
17.	Quản lý di sản văn hóa	Học phần Quản lý di sản văn hóa làm rõ những nội dung sau đây: - Những vấn đề cơ bản về di sản văn hóa và quản lý di sản văn hóa	Kiến thức	2.0

		- Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa - Khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa trong bối cảnh hiện nay		
18.	Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa	Học phần xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa có cấu trúc 02 tín chỉ, trong đó có 01 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ thực hiện các bài tập thực hành. Chương 1 (lý thuyết): Khái quát chung về đường lối văn hóa của Đảng và xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa. Chương 2: Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa. Chương 3: Phân tích một số kế hoạch và chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	2.0
19.	Gây quỹ cho các hoạt động Văn hóa Nghệ thuật	Là một học phần có nội dung khá mới mẻ ở Việt Nam, giáo trình và tài liệu giảng dạy tương đối ít ỏi, hạn chế. Để biên soạn bài giảng cho phù hợp với ngành Quản lý Văn hóa trình độ thạc sĩ giảng viên cần phải sử dụng kết quả nghiên cứu thực tiễn, thâm nhập thực tế về công tác xã hội hóa tổ chức hoạt động văn hóa, xã hội hóa biểu diễn nghệ thuật, công tác gây quỹ, ủng hộ, từ thiện trong các lĩnh vực liên quan đến văn hóa và nghệ thuật. Học phần được thiết kế 3 chuyên đề, tập trung vào các nội dung cơ bản sau: - Lý thuyết về gây quỹ và tìm tài trợ - Các loại hình gây quỹ và các nguồn tài trợ - Một số kỹ năng và nguyên tắc gây quỹ và tìm tài trợ - Quy trình gây quỹ và tìm tài trợ - Một số hình thức gây quỹ và tìm tài trợ	Kiến thức	2.0
20.	Quản lý văn hóa và phát triển bền vững	Học phần được thiết kế gồm 2 chuyên đề: - Chuyên đề 1: Sự tương tác của Văn hóa - Kinh tế trong quá trình toàn cầu hóa. Chuyên đề 1 tập trung giới thiệu 3 nội dung cơ bản: (1) Vị thế của văn hóa trong quá trình toàn cầu hóa, (2) Sự tác động của toàn cầu đến văn hóa trên bình diện kinh tế và công nghệ, (3) Những tương tác giữa kinh tế và văn hóa trong kinh tế thị trường và toàn cầu hóa. - Chuyên đề 2: Vai trò của văn hóa trong phát triển, có 3 nội dung: (1) Văn hóa là mục	Kiến thức	2.0

		tiêu phát triển của con người, (2) Sự giao lưu và tiếp biến văn hóa, (3) Những vấn đề bảo tồn Văn hóa truyền thống, Quốc gia, Dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Giúp học viên bổ sung kiến thức và phương pháp nghiên cứu vấn đề toàn cầu hóa, kỹ nguyên công nghệ thông tin và kỹ nguyên phát minh- sáng tạo ở thế kỷ 21; Nghiên cứu lý thuyết phát triển kinh tế của Adam Smit (1723-1790) và học thuyết 3 làn sóng văn minh của Alvin Toffler (1928) người Mỹ; Vấn đề hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế và tác động của nó đến văn hóa. Phương pháp tiếp cận là nghiên cứu thực trạng, diễn trình toàn cầu hóa từ 2000 đến nay, phân tích và dự báo đối với Việt Nam.		
21.	Nghệ thuật truyền thống Việt Nam	- Chuyên đề 1: Mỹ thuật truyền thống Việt Nam (Vietnamese traditional Fine Art). Chuyên đề 1: Nội dung cơ bản: Kiến trúc truyền thống Việt Nam; Điêu khắc và Hội họa truyền thống Việt Nam; Mỹ thuật Chămpa, Tây Nguyên. Với phương pháp tiếp cận là Nghệ thuật học, do vậy, các vấn đề trên sẽ được tập trung giới thiệu, phân tích về hình loại và giá trị mỹ thuật truyền thống Việt Nam theo các thể loại, phong cách, tác phẩm, trên nền diễn trình lịch sử các thời kỳ. Đồng thời phân tích giá trị xã hội của mỹ thuật truyền thống Việt Nam. Giúp học viên bổ sung kiến thức và phương pháp nghiên cứu mỹ thuật truyền thống Việt Nam. - Chuyên đề 2: Nghệ thuật Biểu diễn truyền thống Việt Nam (Vietnamese traditinal Performing Art). Chuyên đề 2 có 3 cơ bản: Nghệ thuật Biểu diễn cổ truyền vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng; Nghệ thuật biểu diễn cổ truyền vùng Trung Bộ; Nghệ thuật biểu diễn Nam Bộ. Với phương pháp tiếp cận là Nghệ thuật học, các nội dung sẽ được giới thiệu, phân tích về hình loại và giá trị nghệ thuật Biểu diễn truyền thống Việt Nam theo các thể loại, phong cách, tác phẩm, trên nền diễn trình lịch sử các thời kỳ. Đồng thời phân tích giá trị xã hội của nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam. Giúp học viên bổ sung kiến thức và phương pháp nghiên cứu nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam.	Kiến thức	2.0

22.	Văn hóa nông thôn Việt Nam	Học phần được thiết kế gồm 2 chuyên đề, cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về văn hóa nông thôn và văn hóa nông thôn Việt Nam trong cái nhìn so sánh với đô thị, văn hóa dân tộc và những xu hướng biến đổi theo thời gian.	Kiến thức	2.0
IV	Thực tế	- Kỹ năng nghiên cứu, quan sát, tìm hiểu và đánh giá công tác thực tiễn tổ chức hoạt động nghiệp vụ quản lý văn hóa trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị doanh nghiệp. - Kỹ năng đánh giá hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch thực tiễn tổ chức hoạt động nghiệp vụ quản lý văn hóa trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị doanh nghiệp. - Kỹ năng viết báo cáo thực tế	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	4.0
V	Luận văn	Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc của HV thể hiện tính mới mẻ, tính thực tiễn và tính hiện đại trong mục đích, nội dung và PPNC. Luận văn phải đáp ứng yêu cầu về luận văn thạc sĩ của trường ĐHVHTTDL Thanh Hóa nói riêng và của Bộ GD&ĐT nói chung.	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	4.0

3. Nội dung đào tạo

Chương trình đào tạo Ths. QLVH theo chương III, điều 19, 20, 21, 22, Quy chế đào tạo thạc sĩ ban hành theo Thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo hình thức đào tạo tín chỉ và được chia làm 3 khối kiến thức, cụ thể:

- + Phần kiến thức chung: 08 tín chỉ
 - + Phần kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành: 38 tín chỉ
 - Các học phần bắt buộc: 11 học phần, 30 tín chỉ (lý thuyết: 18 tín chỉ; thực hành, thảo luận, bài tập: 12 tín chỉ).
 - Các học phần tự chọn: 04 học phần, 08 tín chỉ (lý thuyết: 4 tín chỉ, thực hành, thảo luận: 02 tín chỉ, bài tập: 02 tín chỉ).
 - + Thực tập thực tế: 03 tín chỉ
 - + Luận văn tốt nghiệp: 15 tín chỉ
- Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết; 30 - 45 giờ thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45- 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn.
- Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập.

TT	Học phần/Môn học	Số tín chỉ
I.	Kiến thức chung: 02 HP – 08 TC	08
1.	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4
2.	Ngoại ngữ (<i>Foreign language</i>)	4

II	Kiến thức cơ sở ngành: 06 HP – 15 TC	15
II.1.	Bắt buộc: 04HP-11TC	
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội (<i>Specialized scientific research method</i>)	3
4.	Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam (<i>Exchange and cultururation in Vietnamese cultural history</i>)	3
5.	Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội (<i>Culture , civilization and social progress</i>)	3
6.	Tâm lý học quản lý (<i>Psychology of Management</i>)	2
II.2.	Tự chọn: 02/04HP - 4TC	4
7.	Văn hóa và du lịch (<i>culture and tourism</i>)	2
8.	Nông thôn và đô thị trong văn hóa Việt Nam (<i>Rural and urban in Vietnamese culture</i>)	2
9.	Văn hóa tôn giáo Việt Nam (<i>Vietnam religious culture</i>)	2
10.	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á (<i>Vietnam Culture in the context of South-East Asia</i>)	2
III	Kiến thức chuyên ngành: 09 HP – 23 TC	23
III.1.	Bắt buộc: 07HP- 19TC	
11.	Quản lý sự kiện văn hóa (<i>Cultutal event management</i>)	3
12.	Quản lý truyền thông đại chúng(<i>Mass communication</i>)	2
13.	Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao (<i>Management of cultural and sport institutions</i>)	3
14.	Quản lý thị trường văn hóa(<i>Cultural Market Management</i>)	3
15.	Phát triển chính sách văn hóa (<i>Development of cultural policy</i>)	3
16.	Quản lý và phát triển nguồn lực văn hóa – nghệ thuật(<i>Culture resource development</i>)	2
17.	Quản lý di sản văn hóa Việt Nam (<i>Cultural Heritage Administration Vietnamese</i>)	3
III.2.	Tự chọn: 02/04 HP-04TC	
18.	Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa (<i>Planning, cultural development strategy</i>)	2
19.	Gây quỹ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật (<i>Fundraising for arts and cultural activities</i>)	2
20.	Quản lý văn hóa và phát triển bền vững (<i>cultrural management and sustainable development</i>)	2
21.	Nghệ thuật truyền thống Việt Nam (<i>Vietnamese traditional art</i>)	2
IV	Nghiên cứu hoạt động thực tế	3
V	Luận văn thạc sĩ	15
	Tổng	64

4. Phương pháp đánh giá

1. Việc đánh giá các học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá học phần;

- Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết.

- Kết hợp kiểm tra tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần;

- Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp....) phù hợp với yêu cầu học phần;

- Kết hợp đánh giá ý thức, học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học.

2. Quy trình đánh giá học phần

- Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng điểm của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng và làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) kho có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó và có thể đổi sang các học phần tương đương (nếu là học phần tự chọn).

- Giảng viên giảng dạy học phần tổ chức kiểm tra đánh giá thường xuyên (bài kiểm tra hoặc bài tập lớn hoặc tiểu luận) theo đề cương chi tiết học phần và chấm điểm chuyên cần (tinh thần, thái độ học tập, tính độc lập và sáng tạo của học viên). Sau khi kết thúc học phần, khoa, bộ môn phụ trách chuyên ngành xét điều kiện dự thi các học phần và nộp kết quả xét điều kiện dự thi về phòng Đào tạo SDH, điều kiện dự thi được lưu tại phòng SDH.

Đề thi KTHP do Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm tổ chức ra đề hoặc dùng ngân hàng đề thi. Đề thi và đáp án có chữ ký của Giảng viên ra đề thi và Trưởng bộ môn ký niêm phong và nộp về phòng Khảo thí và ĐBCCLGD.

Việc tổ chức chấm thi, lên điểm, quản lý bài thi được thực hiện theo quy định chung của nhà trường.

Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm chuyên cần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Căn cứ vào số tiết có mặt trên lớp/ nhóm của học viên để giảng viên cho điểm chuyên cần.

3. Điểm đánh giá học phần

Điểm đánh giá học phần bao gồm tổng điểm của 3 nội dung đánh giá theo hệ số: bài kiểm tra thường xuyên (KTTX), điểm chuyên cần (CC) và điểm thi kết thúc học phần (KTHP) được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo tỷ lệ: $\text{Điểm học phần} = \text{CC} \cdot 10\% + \text{KTTX} \cdot 20\% + \text{KTHP} \cdot 70\%$

Điểm TBC tích lũy toàn khóa là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B+, B, C+, C, D+, D mà học viên đã tích lũy được.

Công thức tính: Điểm TBC học phần*số TC của học phần/ Tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa.

5. Thời gian đào tạo

5.1. Thời gian đào tạo của các học phần

- Mỗi học phần có khối lượng tín chỉ từ 2 đến 04 (thấp nhất và cao nhất). Được bố trí giảng dạy cơ bản trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần (hay toàn phần) của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần có một mã học phần riêng do Trường quy định.

- Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

5.2. Thời gian đào tạo của chương trình

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Tổng số	Loại giờ		Điều kiện tiên quyết
				Lý thuyết	TH, TN, TL	
I	Phần kiến thức chung: 02 HP-08 TC					
1	KTC01	Triết học (Philosophy)	4	3	1	Không
2	KTC02	Ngoại ngữ (Foreign language)	4	3	1	KTC01
II	Phần kiến thức cơ sở ngành: 06 HP – 15TC					
II.1	Bắt buộc: 04HP-11TC					
3	CSBB03	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội (Specialized scientific research melthod)	3	2	1	KTC01 KTC02
4	CSBB 04	Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam (Exchange and cultururation in Vietnamese cultural history)	3	2	1	KTC01 KTC02 CSBB03
5	CSBB 05	Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội (Culture , civilization and social progress)	3	2	1	KTC01 KTC02 CSBB03 CSBB04
6	CSBB 06	Tâm lý học quản lý (Psychology of Management)	2	1	1	KTC01 KTC02 CSBB03 CSBB04 CSBB05
II.2	Tự chọn: 02/05HP - 4TC					
7	CSTC07	Văn hóa và du lịch (culture and tourism)	2	1	1	Không

8	CSTC 08	Nông thôn và đô thị trong văn hóa Việt Nam (<i>Rural and urban in Vietnamese culture</i>)	2	1	1	Không
9	CSTC 09	Văn hóa tôn giáo Việt Nam (<i>Vietnam religious culture</i>)	2	1	1	Không
10	CSTC 10	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á (<i>Vietnam Culture in the context of South-East Asia</i>)	2	1	1	Không
III	Kiến thức chuyên ngành: 09 HP-23 TC					
III.1	Bắt buộc: 07HP-19TC					
11	CNBB11	Quản lý sự kiện văn hóa (<i>Cultural event management</i>)	3	2	1	Không
12	CNBB12	Quản lý truyền thông đại chúng (<i>Mass communication</i>)	2	1	1	Không
13	CNBB13	Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao (<i>Management of cultural and sport institutions</i>)	3	2	1	Không
14	CNBB14	Quản lý thị trường văn hóa (<i>Cultural Market Management</i>)	3	2	1	Không
15	CNBB15	Phát triển chính sách văn hóa (<i>Development of cultural policy</i>)	3	2	1	Không
16	CNBB16	Quản lý và phát triển nguồn lực văn hóa – nghệ thuật (<i>Culture resource development</i>)	2	1	1	Không
17	CNBB17	Quản lý di sản văn hóa Việt Nam (<i>Cultural Heritage Administration Vietnamese</i>)	3	2	1	Không
III.2	Tự chọn: 02/04 HP-04TC					
18	CNTC18	Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa (<i>Planning, cultural development strategy</i>)	2	1	1	Không
19	CNTC19	Gây quỹ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật (<i>Fundraising for arts and cultural activities</i>)	2	1	1	Không
20	CNTC20	Quản lý văn hóa và phát triển bền vững (<i>Cultural management and sustainable development</i>)	2	1	1	Không
21	CNTC21	Nghệ thuật truyền thống Việt Nam (<i>Vietnamese traditional art</i>)	2	1	1	Không
IV	Nghiên cứu hoạt động thực tế		3	0	3	
V	Luận văn thạc sĩ		15	0	15	

	Tổng số tín chỉ tích lũy	64			
--	---------------------------------	-----------	--	--	--

5.3. Kế hoạch học tập dự kiến

Học kỳ	Nội dung thực hiện	Số tín chỉ
Học kỳ 1 (05 học phần, 16 tín chỉ)	-2 học phần phần kiến thức chung (7 tín chỉ)	
	+ Triết học	4
	+ Tiếng Anh (theo khung tham chiếu B1 Châu Âu)	4
	-3 học phần bắt buộc của khối kiến thức cơ sở ngành (8 tín chỉ)	
	+ Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa xã hội	3
	+ Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội	3
Học kỳ 2 (06 học phần, 16 tín chỉ)	+ Tâm lý học quản lý	2
	-1 học phần bắt buộc khối kiến thức cơ sở ngành (3 tín chỉ)	
	+ Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam	3
	-2 học phần tự chọn khối kiến thức cơ sở ngành (4 tín chỉ)	
	-3 học phần bắt buộc khối kiến thức ngành (9 tín chỉ)	
	+ Lễ hội truyền thống	3
Học kỳ 3 (06 học phần, 14 tín chỉ)	+ Quản lý các thiết chế văn hóa	3
	+ Quản lý Di sản văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam Sông Hồng	3
	-4 học phần bắt buộc khối kiến thức ngành (10 tín chỉ)	
	+ Quản lý truyền thông đại chúng	2
	+ Phát triển chính sách văn hóa	3
	+ Phát triển nguồn lực văn hóa	2
Học kỳ 4	+ Quản lý thị trường văn hóa	3
	- 3 học phần tự chọn khối kiến thức chuyên ngành (6 tín chỉ)	
	-Bảo vệ đề cương luận văn thạc sĩ	4
	- Nghiên cứu hoạt động thực tế	3
	- Viết và bảo vệ luận văn thạc sĩ	15

6. Thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTDH: 17/9/2020